

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày 21-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Bà Bùi Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Lê Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2022/HS-ST ngày 26-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị tạm giữ từ ngày 14-12-2021. Có mặt.

2. Bùi Văn L, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; tiền án, tiền sự: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc L và bà Đặng Thị Q (đều đã chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 14-12-2021, chuyển tạm giam ngày 23-12-2021. Có mặt.

3. Bùi Đình T, tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã Th, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình T (đã chết) và bà Phạm Thị V; chưa có vợ con. Tiền sự: Không; tiền án: Bản án số

48/2019/HS-ST ngày 27-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương tuyên phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), chấp hành xong ngày 26-6-2020 (chưa được xóa án tích); nhân thân: Bản án số 15/2022/HS-ST ngày 24-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương tuyên phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành án phạt tù từ ngày 02-12-2021; tiếp tục bị tạm giam từ ngày 28-7-2022. Có mặt.

4. Phạm Văn Đ, sinh ngày 08-5-1997 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Trịnh Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 22/2022/HS-ST ngày 27-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương tuyên phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; chấp hành án phạt tù từ ngày 10-3-2022; tiếp tục bị tạm giam từ ngày 25-7-2022. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Th:* Bà Nguyễn Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Công ty TNHH MTV Đ, địa chỉ: Số T, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H, Giám đốc Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim V, cán bộ chi nhánh Điện lực K, ông Vũ Ngọc T, cán bộ chi nhánh Điện lực A; đều có mặt.

2. Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng A, địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M, Giám đốc công ty. Có mặt.

3. Công ty TNHH K, địa chỉ: Số A, lô N, khu S phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thanh H, Giám đốc công ty. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị H. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn L làm nghề xe ôm tại ngã tư chợ K, xã Q, huyện A có quen biết và thường xuyên chở khách đi xe ôm là Phạm Văn T, cả hai đều là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 18 giờ ngày 13-12-2021, T nhờ L chở đến cửa hàng điện thoại Mạnh H ở thôn Đ, xã Q, huyện A để cầm chiếc điện thoại di động OPPO A7 cho chị Nguyễn Thị L được 1.500.000 đồng. T đưa cho L 1.300.000 đồng bảo L đi mua 1.200.000 đồng ma túy về để cùng nhau sử dụng, còn 100.000 đồng để L đổ

xăng. L điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS: 15D1-0151 đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân mua 04 gói ma túy với giá 1.200.000 đồng của một người phụ nữ không quen biết. Đến 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi L đi về đến đoạn đường Quốc lộ 10, trước cửa bưu điện xã Q thuộc thôn T thì bị lực lượng Công an kiểm tra. L hoảng sợ vớt 04 gói nilon vo tròn gồm 02 gói màu vàng và 02 gói màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy đều có đường kính 01cm (niêm phong ký hiệu M) đang cầm trên tay xuống dưới nền đường. Tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ và niêm phong toàn bộ vật chứng.

Bản giám định số 648 ngày 15-12-2021 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “*Chất bột màu trắng (ký hiệu M) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,12 gam, là loại Heroine*”.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn L tại thôn T, xã Q phát hiện và thu giữ: Tại gầm giá để đồ vật sát tường bên phải ở sân sau nhà có 01 bao dứa màu trắng bên trong có 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 kim cắt dài 19,5cm; 01 kim cắt dài 16cm; 02 mỏ lết kim loại; 01 lưỡi cưa loại kim loại màu trắng, dài 30 cm rộng 02 cm; 01 cưa cầm tay, kích thước (11,5×43,5)cm; 08 đoạn dây nilon màu đỏ; 01 đoạn thanh nhựa hình chữ L dài 16 cm. Những vật chứng đã thu giữ trên là công cụ đi trộm cắp tài sản của Phạm Văn T giấu tại sân sau nhà L nhưng T không nói cho L biết.

Qua điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan điều tra còn xác định trong khoảng thời gian từ tháng 9-2021 đến 12-2021, Phạm Văn T cùng Bùi Đình T, Phạm Văn Đ thường tụ tập ở căn nhà hoang gần chân Cầu B49 thuộc xã Q rồi rủ nhau trộm cắp tài sản. Các đối tượng dùng cưa, kim, mỏ lết, dao dọc giấy (do T chuẩn bị từ trước) thực hiện 01 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Kiến An và 12 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện An Lão, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đêm ngày 16-11-2021, Phạm Văn T một mình đi xe đạp mang theo kim có lưỡi dài khoảng 2cm và cưa tay có lưỡi dài khoảng 40cm đi từ huyện An Lão đến quận Kiến An tìm các trạm biến áp (viết tắt là TBA) để cắt trộm dây cáp điện. T đi đến TBA Bơm Đồng Hòa 1 thuộc tổ dân phố Mỹ Khê Đông, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, quan sát thấy không có ai nên đã dùng kim và cưa cắt trộm 01 dây cáp M1×95mm² dài khoảng 3m là dây điện trung tính của hệ thống tiếp đất TBA. T buộc dây cáp vừa cắt được vào xe đạp rồi đi đến TBA Đồng Hòa 5 thuộc tổ dân phố Mỹ Khê Tây, phường Đồng Hòa, tiếp tục trèo lên cắt 01 cáp M1×240mm² dài 03m, 01dây cáp M1×95 mm² dài 3,5m và một thanh đồng M60×60×60 mm² dài 0,6 m. Sau đó T mang tất cả số dây cáp trên đến khu vực ít người qua lại (không nhớ vị trí cụ thể) để lọc phần vỏ, lấy phần lõi dây đồng rồi mang về cơ sở thu mua phế liệu của ông Nguyễn Xuân C bán với giá 185.000 đồng/kg, được 2.700.000 đồng. Số tiền trên, T đã dùng để chi tiêu cá nhân hết. Ngày 16,17-11-2021, Chi nhánh Điện lực Kiến An trình báo công an Phường Đồng Hòa về việc TBA Đồng Hòa 5, TBA bơm Đồng Hòa 1 bị kẻ giam cắt trộm dây điện trung tính của hệ thống tiếp đất TBA. Bản định giá tài sản số 03 ngày 19-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận Kiến An kết luận: “*01 sợi dây cáp M 1×240mm² trị giá 1.990.488 đồng; 01 sợi dây cáp M1×95mm² trị giá 860.160 đồng; 01 thanh đồng M60×60 ×6mm² trị giá 300.000 đồng; 01 sợi dây*

cáp M1×95mm² trị giá 737.280 đồng. Tổng trị giá 3.887.928 đồng”.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 06-9-2021, T đi xe đạp một mình từ căn nhà hoang đến TBA H ở xã Q. T trèo lên TBA dùng kim cắt 06m dây cáp trung tính nhãn hiệu CU/XLPE/PVC 1×120mm vứt xuống đất. T tiếp tục đi về khu chung cư ở thôn C, xã Q, phát hiện TBA C không có ai trông coi nên đã trèo lên cắt 04m dây cáp trung tính nhãn hiệu CU/XLPE/PVC 1×185mm tại trạm này. Những dây cáp cắt trộm được T sử dụng dao dọc giấy tách lấy lõi dây đồng, cho vào bao mang đến nhà ông C bán được 1.100.000 đồng. Bản định giá tài sản số 15, 16 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: *“06 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.677.000 đồng”;* *“04 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×185mm, trị giá 2.072.356 đồng”.*

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 07-9-2021, T đi xe đạp từ căn nhà hoang mang theo kim, cưa, dao, bao dứa đi về xã Trường T để tìm TBA cắt trộm dây cáp trung tính. Phát hiện thấy TBA UB Trường T, T trèo lên dùng cưa và mỏ lết cắt 05m dây cáp. T tiếp tục đi đến TBA Ngọc C cắt trộm 06 mét dây cáp. Sau đó, T đi sang xã Trường T, phát hiện TBA Trường T không có ai trông coi nên đã trèo lên cắt 06 mét dây cáp. Tất cả dây cáp T cắt ở ba trạm trên đều là dây cáp trung tính nhãn hiệu CU/XLPE/PVC 1×120mm. Sau đó, T dùng dao dọc giấy tách lớp vỏ cao su, lấy lõi dây đồng rồi mang về nhà ông C bán được 1.850.000 đồng. Bản định giá tài sản số 17, 6, 23 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: *“05 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.397.500 đồng”;* *“06 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.677.000 đồng”;* *“06 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.677.000 đồng”.*

Vụ thứ tư: Khoảng 24 giờ ngày 09-9-2021, T đi xe đạp từ nhà hoang đến TBA Chi Lai 1 thuộc thôn C, xã T. T trèo lên dùng kim và mỏ lết cắt 06m dây cáp trung tính nhãn hiệu CU/XLPE/PVC 1×120mm tại trạm này. T đi thẳng rồi rẽ trái ra phía bờ sông phát hiện TBA của Công ty Khang T có địa chỉ tại thôn Chi L. T trèo lên cắt 20 mét dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm, sau đó dùng dao tách lớp vỏ cao su và lấy toàn bộ lõi dây đồng mang về nhà ông C bán được 2.800.000 đồng. Tại Bản định giá tài sản số 07, 08 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: *“06 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.677.000 đồng”;* *“20 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm, trị giá 11.340.000 đồng”.*

Vụ thứ năm: Khoảng 19 giờ ngày 30-9-2021, Bùi Đình T đến chơi với T tại căn nhà hoang. T rủ Th đi trộm cáp dây cáp điện và được Th đồng ý. T mang theo kim, cưa, mỏ lết, dao và bao dứa cùng Th đi bộ đến TBA tái định cư Cẩm Văn thuộc thôn Cẩm Văn, xã Quốc Tuấn của Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng A. Th cầm kim, T cầm cưa cùng nhau cắt được 07 mét dây cáp điện trung tính loại CU/XLPE/PVC 1×240mm. Sau khi cắt xong, T đi đến nhà ông Đỗ Văn T bán cho một người phụ nữ được 800.000 đồng. Số tiền này, T và Th chia đôi, mỗi người được 400.000 đồng. Bản định giá tài sản số 09 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: *“07 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm, trị giá 3.969.000 đồng”.*

Vụ thứ sáu: Khoảng 19 giờ ngày 01-10-2021, T tiếp tục rủ Th đi đến TBA tái định cư Cẩm Văn thuộc thôn Cẩm Văn, xã Quốc Tuấn (đã trộm cắp ngày 30-9-2021) để cắt dây cáp điện. Th trèo lên cắt 07 mét dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm vút xuống đất còn T ở dưới cảnh giới và dùng dao dọc giấy bóc tách vỏ cao su để lấy lõi đồng. Sau khi bỏ dây đồng vào bao, T và Th về nhà hoang nằm nghỉ. Sau đó, T gọi điện cho Bùi Văn L chở đến nhà ông T bán cho một người phụ nữ được 1.000.000 đồng. T trả cho ông L 200.000 đồng tiền xe ôm, số tiền còn lại T và Th chia đôi, mỗi người được 400.000 đồng. Bản định giá tài sản số 18 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: “07 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm, trị giá 3.969.000 đồng”.

Vụ thứ bảy: Khoảng 23 giờ ngày 05-10-2021, T chở Th bằng xe đạp đến TBA Câu Hạ C thuộc thôn Câu Hạ A, xã Q. Phát hiện không có người qua lại nên Th đã trèo lên dùng kìm cắt 5,5m dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, còn T đứng cảnh giới và bẻ dây ở dưới đất. Sau khi cắt dây xong, T cuộn lại cho vào bao rồi mang về nhà hoang dùng dao dọc giấy tháo lớp vỏ cao su ra để lấy lõi dây đồng. Sáng ngày hôm sau, T gọi Bùi Văn L chở T đến nhà ông T bán dây đồng cho một người phụ nữ được 1.000.000 đồng. T trả Liên 200.000 đồng tiền xe ôm, số tiền còn lại, T và Th chia đôi. Bản định giá tài sản số 19 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: “5,5 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.537.250 đồng”.

Vụ thứ tám: Đêm ngày 07-10-2021, T đi xe đạp đến xã Tân Dân thì phát hiện TBA Tân Dân 1 không có ai trông coi. T dùng kìm cắt 5,5 mét dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm cho vào bao đi ra cách trạm biển áp khoảng 50 mét dùng dao dọc giấy tháo lớp vỏ cao su. Sau đó T mang số dây đồng đã tách đến nhà ông C bán được 800.000 đồng. Bản định giá tài sản số 14 ngày 11/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: “5,5 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm, trị giá 1.908.500 đồng”.

Vụ thứ chín: Khoảng 18 giờ ngày 08-10-2021, T đi bộ đến TBA Tân Dân 4 thuộc xã Tân Dân. Quan sát thấy không có người trông coi, T trèo lên cắt 5,5m dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm cho vào bao và mang đi giấu ở rìa đường. T đi bộ về gần đến nhà hoang thì gọi điện cho L chở đến xã Tân Dân lấy bao dây cáp đã giấu. Sau đó, T bảo L chở đến nhà ông C bán dây đồng được 800.000 đồng. T trả L 400.000 đồng tiền xe ôm, số tiền còn lại, T dùng để chi tiêu cá nhân hết. Bản định giá tài sản số 12 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Kết luận: “5,5 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm, trị giá 1.908.500 đồng”.

Vụ thứ mười: Khoảng 18 giờ ngày 09-10-2021, T gọi điện cho L nói “Thầy chở con đi làm”. L đến chở T và Th đi qua cầu B50 đến ngã tư Tân Viên, xã Tân Viên thì T và Th xuống, còn L đi về. T và Th rẽ phải đi bộ thì phát hiện thấy có TBA tái định cư Tân Viên thuộc xã Tân Viên. Th trèo lên dùng kìm cắt được 04m dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×185 mm, còn T cuộn dây cáp cắt vào trong bao. T và Th đi bộ ra ngã tư Tân Viên rồi gọi L đến chở ra đường cao tốc. Tại đây, T và Th đi xuống xe đi xuống rìa đường rồi dùng dao dọc giấy tách vỏ cao su ra để

lấy dây đồng. Sau đó T và Th quay trở lại chỗ L bảo L chở về. Đến đoạn gần nhà hoang thì Th xuống xe. L tiếp tục chở T đến nhà ông T chuyên thu mua phế liệu, bán cho một người phụ nữ được 1.400.000 đồng. T trả 300.000 đồng tiền chở xe ôm cho L còn lại 1.100.000 đồng thì T và Th chia đôi. Bản định giá tài sản số 20 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: “04 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×185 mm, trị giá 2.072.356 đồng”.

Vụ thứ mười một: Đêm ngày 10-10-2021, T đi xe đạp một mình mang theo kìm, dao dọc giấy và bao dứa đến TBA Bách Phương 2 thuộc xã An Thắng cắt 5,5m dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm. Sau đó, T dùng dao dọc giấy tháo lớp vỏ cao su, tách lấy lõi đồng rồi mang đến nhà ông C bán được 680.000 đồng. Tại bản định giá tài sản số 13 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Kết luận: “5,5 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm, trị giá 1.908.500 đồng”.

Vụ thứ mười hai: Khoảng 22 giờ ngày 17-11-2021, Phạm Văn Đ đến chơi với T tại căn nhà hoang. T rủ Đ đi trộm cáp dây cáp điện và được Đ đồng ý. T buộc những công cụ để trộm cáp vào xe đạp và chở Đ đi xuống xã An Thái. Phát hiện thấy TBA An Áo, T bảo Đ cảnh giới còn mình cầm kìm treo lên cắt 5,5m dây cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm. T cuộn dây vừa cắt được giấu vào áo rồi đi ra chỗ Đ cho vào bao. Sau đó, cả hai đi đến TBA Tiến Lập, xã Mỹ Đức. T treo lên cắt 3,5m dây cáp trung tính rồi tiếp tục chở Đ đến TBA TĐC Minh Khai thuộc xã Mỹ Đức. T treo lên cắt 02m dây cáp trung tính, còn Đ ở dưới cảnh giới. Sau khi cắt xong, T cuộn lại và đưa cho Đ cất vào bao rồi cùng đi về nhà hoang tách lấy dây đồng. Loại dây cáp mà T và Đ đã trộm cáp tại 2 TBA tại xã Mỹ Đức nêu trên đều là dây CU/XLPE/PVC 1×150mm. Đến khoảng 6 giờ sáng ngày hôm sau, T mang số dây đồng đến nhà ông C bán được 13kg đồng với số tiền là 2.600.000 đồng. Đ, T dùng số tiền này để chi tiêu cá nhân. Bản định giá tài sản số 11,10 ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: “5,5 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 1.537.250 đồng”; “5,5 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×150mm, trị giá 1.908.500 đồng”.

Vụ thứ mười ba: Khoảng 23 giờ ngày 02-12-2021 tại căn nhà hoang, T tiếp tục rủ Đ đi trộm cáp dây cáp. Đ điều khiển xe đạp chở T cầm theo kìm, dao, cưa, mỏ lết, và bao dứa đến TBA Độc Lập thuộc xã An Thọ. Phát hiện không có người qua lại, T treo lên cắt 08 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm còn Đ ở dưới cảnh giới và dùng dao dọc giấy bóc tách vỏ cao su ra để lấy lõi dây đồng. Sau đó, cả hai đi về đến xã Mỹ Đức thì T phát hiện có TBA Cầu Nguyệt. T cầm kìm vào cắt 04 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm, vứt xuống đất rồi cùng Đ bóc vỏ cao su, lấy lõi đồng cho vào bao dứa. Trên đường về miếu hoang do xe đạp bị hỏng nên Đ đi bộ về còn T buộc bao dây đồng vào xe đạp đi về. Ngày hôm sau, T gọi điện cho L đến chân cầu B49 chở đến nhà ông C bán 8kg dây đồng được 1.400.000 đồng. T trả cho L 100.000 đồng tiền xe ôm, số tiền còn lại Đ và T dùng để chi tiêu hết. Bản định giá tài sản số 22, 21/KL-ĐG ngày 11-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Kết luận: “08 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×120mm, trị giá 2.236.000 đồng”; “04 mét Cáp trung tính CU/XLPE/PVC 1×240mm, trị giá 2.268.000 đồng”.

Bản Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS; truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; truy tố các bị cáo Bùi Đình T, Phạm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận các tình tiết vụ án phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội danh. Các bị cáo xin xem xét được giảm nhẹ hình phạt tù. Bà Nguyễn Thị H, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Th nhất trí quyết định truy tố và đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bùi Đình T, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Đ cảm ơn sự tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện An Lão, nhanh chóng đưa vụ án kịp thời xét xử, bảo đảm trừng trị nghiêm minh đối với các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, gây thiệt hại tài sản, công sức trong thời gian dài đối với doanh nghiệp, làm ảnh hưởng hoạt động sinh hoạt, kinh doanh của người dân, tổ chức trên địa bàn An Lão, Kiến An.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt: Phạm Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38 BLHS, xử phạt: Phạm Văn T từ 04 năm tù đến 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo T phải chịu hình phạt chung căn cứ vào Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt phạm nhiều tội của vụ án này. Căn cứ vào Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt với 21 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự số 56/2022/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 38 BLHS, xử phạt: Bùi Văn L từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38 BLHS, xử phạt: Bùi Đình T từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản. Căn cứ vào Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt với 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 15/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 38, 56 BLHS, xử phạt: Phạm Văn Đ từ 18 tháng đến 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt với 13 (Mười ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo

Bản án số 22/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: Phạm Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH K 29.800.000 đồng. Phạm Văn T phải bồi thường 1.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị L. Phạm Văn T, Bùi Đình T phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng A tổng số tiền 5.000.000 đồng. Phạm Văn T, Bùi Đình T, Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ tổng số tiền là: 34.910.712 đồng (trong đó: Chi nhánh Điện lực Kiến An yêu cầu 4.490.000 đồng; Chi nhánh Điện lực An Lão yêu cầu 30.420.712 đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy đối với 0,93 gam chất bột và vỏ bao bì của mẫu vật gửi giám định được niêm phong lại trong bì giấy, dấu niêm phong số 648MT/PC09. Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, đeo BKS 16M9-0151 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+ có số IMEI 1: 359116089014139, số IMEI 2: 359117089014137 cho Bùi Văn L, nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án. Trả lại 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 màu xanh có số EMEI 1: 8642670044170876, EMEI 2: 86426704410868 đã qua sử dụng cho Phạm Văn T, nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (Một) xe đạp của Phạm Văn T. Tịch thu tiêu hủy 01 bao dứa, 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 kìm cắt dài 19,5 cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh- xám; 01 kìm cắt dài 16 cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh - xám; 01 mỏ lết kim loại màu trắng có số (150×19); 01 mỏ lết kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ đen số (250×30); 01 lưỡi cưa loại kim loại màu trắng đã qua sử dụng, dài 30 cm rộng 2 cm; 01 cưa cầm tay, kim loại màu trắng (không có lưỡi cưa) đã qua sử dụng, kích thước (11,5×43,5)cm, in chữ HTAT; 08 đoạn dây nylon màu đỏ dài trung bình 70cm; 01 đoạn thanh nhựa hình chữ L dài 16 cm, quấn một đoạn nylon đỏ dài 70.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại, nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên,

Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp kết luận giám định chất ma túy, kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, cùng các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Hồi 20 giờ 50 phút ngày 13-12-2021, tại khu trước cửa bưu điện xã Q thuộc thôn T, xã Q, huyện A, Bùi Văn L có hành vi cất giữ trái phép 1,12 gam Heroine. Bị cáo T đề xuất, đưa tiền cho bị cáo L mua ma túy, rồi cất giấu trái phép ma túy với mục đích sử dụng, mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Bởi vậy, đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T, Bùi Văn L đồng phạm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, là đúng người, đúng tội.

[2.2] Phạm Văn T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại một mình 7 vụ/ 13 vụ; trong đó: 01 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Kiến An, 12 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện An Lão (trong đó có 07 lần thực hiện một mình, 04 lần thực hiện với Bùi Đình T, 02 lần thực hiện cùng Phạm Văn Đ, với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là: 50.628.640 đồng. Bùi Đình T thực hiện 04 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là: 11.547.606 đồng; Phạm Văn Đ thực hiện 02 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là: 7.949.750 đồng. Tuy nhiên, T không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Bởi vậy, đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS; Bùi Đình T, Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T, L không những xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo T, Th, Đ trực tiếp xâm phạm tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an của địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối với các bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, Th, Đ đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội hai lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Th đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*tái phạm*”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân các bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo T, Th, Đ phạm tội khác ngoài lần phạm tội lần này, nhưng đều về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Th phạm tội lần này

thuộc trường hợp tái phạm. Các bị cáo L, T, Th, Đ đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đ từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về vai trò đồng phạm và quyết định hình phạt:

[6] Căn cứ các điều 17, 58 BLHS quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với bị cáo T, Liên về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; T, Th, Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo T là người chủ mưu, đề xuất, thực hành tích cực xuyên suốt tất cả các lần trong vụ án; bị cáo Th và Đ là người giúp sức trong các lần phạm tội Trộm cắp tài sản, nên bị cáo T có vai trò cao nhất, cao hơn T, Đ. Bị cáo T là người chủ mưu, đề xuất, đưa tiền để mua ma túy, còn bị cáo L là người thực hành về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Trên cơ sở xem xét, nhận định đầy đủ ý kiến, thiệt hại của các bị hại; đánh giá toàn diện tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò đồng phạm; cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù trong mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, trừng trị người phạm tội, đáp ứng biện pháp giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm; đặc biệt đối với tình hình tội phạm Trộm cắp tài sản các thiết bị liên quan truyền tải điện ảnh hưởng hoạt động sinh hoạt, kinh doanh của người dân, tổ chức trên địa bàn An Lão, Kiến An trong thời gian qua. Căn cứ Điều 55, 56 BLHS quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Căn cứ Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Th, Đ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trên cơ sở các tài liệu, hóa đơn, chứng từ chi phí được xác định là chứng cứ; phù hợp quy định các điều 589 của Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận những yêu cầu bồi thường thiệt hại tại phiên tòa, tại quá trình điều tra của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau:

[7.1] Phạm Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH K 29.800.000 đồng.

[7.2] Phạm Văn T phải bồi thường 1.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị L.

[7.3] Phạm Văn T, Bùi Đình T phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng A tổng số tiền 5.000.000 đồng; chia kỷ phần: Phạm Văn T, Bùi Đình T mỗi người phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng.

[7.4] Phạm Văn T, Bùi Đình T, Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ tổng số tiền là: 34.910.712 đồng (trong đó: Chi nhánh Điện lực Kiến An yêu cầu 4.490.000 đồng; Chi nhánh Điện lực An Lão yêu cầu 30.420.712 đồng). Cụ thể:

[7.4.1] Phạm Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ là 28.070.034 đồng.

[7.4.2] Phạm Văn T, Bùi Đình T phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ tổng số tiền là 3.815.606 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, Th phải

bồi thường 1.907.803 đồng. Do vậy, Bùi Đình T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ 1.907.803 đồng theo yêu cầu của Chi nhánh Điện lực An Lão.

[7.4.3] Phạm Văn T, Phạm Văn Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ 9.865.750 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, Đ phải bồi thường 4.932.875 đồng. Do vậy, Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ 4.932.875 đồng theo yêu cầu của Chi nhánh Điện lực An Lão.

[7.5] Bị cáo T phải bồi thường tổng số tiền dân sự là: 61.870.034 đồng. Bị cáo Th phải bồi thường tổng số tiền dân sự là: 4.407.803 đồng. Bị cáo Đ phải bồi thường tổng số tiền dân sự là 4.932.875 đồng.

[8] Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

[8] Tịch thu tiêu hủy đối với vật liên quan phạm tội là 0,93 gam chất bột và vỏ bao bì của mẫu vật gửi giám định được niêm phong lại trong bì giấy, dấu niêm phong số 648MT/PC09.

[8.1] Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, đeo BKS 16M9-0151 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+ có số IMEI 1: 359116089014139, số IMEI 2: 359117089014137 cho Bùi Văn L.

[8.2] Tịch sung sung vào ngân sách nhà nước tài sản liên quan phạm tội là 01 xe đạp của Phạm Văn T. Trả lại tài sản không liên quan phạm tội là 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 màu xanh có số EMEI 1: 8642670044170876, EMEI 2: 86426704410868 đã qua sử dụng cho Phạm Văn T, nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án.

[8.3] Tịch thu tiêu hủy vật liên quan phạm tội gồm: 01 bao dứa, 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 kìm cắt dài 19,5 cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh- xám; 01 kìm cắt dài 16 cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh - xám; 01 mỏ lết kim loại màu trắng có số (150×19); 01 mỏ lết kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ đen số (250×30); 01 lưỡi cưa loại kim loại màu trắng đã qua sử dụng, dài 30 cm rộng 2 cm; 01 cưa cầm tay, kim loại màu trắng (không có lưỡi cưa) đã qua sử dụng, kích thước (11,5×43,5)cm, in chữ HTAT; 08 đoạn dây nilon màu đỏ dài trung bình 70cm; 01 đoạn thanh nhựa hình chữ L dài 16 cm, quấn một đoạn nilon đỏ dài 70.

[9.1] Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Liên ở khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân hiện chưa xác định được là ai, ở đâu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão tiếp tục điều tra xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

[9.2] Đối với hành vi 01 lần chở T và Th đi trộm cắp dây cáp và 04 lần chở T đi bán dây đồng tại nhà ông T, ông C của Bùi Văn L. Qua điều tra xác định, L làm nghề xe ôm, chở theo sự chỉ dẫn của T. L không biết việc T và Th đi trộm cắp tài sản và cũng không biết việc T thuê L chở xe ôm để đi bán tài sản do T, Th trộm cắp được. T và Th cũng khai không nói cho L biết việc họ đi đâu, làm gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão không xử lý đối với Bùi Văn L về hành vi Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[9.3] Đối với ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Văn T và vợ là bà Phạm Thị H đã mua lỗi dây đồng theo lời khai của T. Khi đến bán lỗi dây đồng, T không nói cho họ biết những tài sản này do phạm tội mà có. Ông C, và vợ chồng ông T không thừa nhận việc mua lỗi dây đồng của T nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông C, ông T và bà H là có căn cứ.

[10] Kiến nghị Công ty TNHH MTV Đ tiếp tục chú trọng, tăng cường phối hợp với các chính quyền địa phương, cơ quan công an tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan việc xử lý trộm cắp thiết bị điện, truyền tải điện, nhằm nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp cùng chung tay kiểm tra, ngăn ngừa, phòng chống, xử lý hiệu quả các đối tượng phạm pháp theo quy định pháp luật.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Phạm Văn T phải chịu 3.093.502 đồng (tính làm tròn 3.094.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bùi Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự: Phạm Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn T 05 (năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt phạm nhiều tội của vụ án này là: 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với 21 (hai mươi một) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự số 56/2022/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn L 21 (hai mươi một) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Đình T 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản. Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 15/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản

án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, 38, 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn Đ 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với 13 (Mười ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 22/2022/HS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương, buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 34 (Ba mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-3-2022.

Về dân sự: Căn cứ vào Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường như sau:

- Phạm Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH K 29.800.000 (Hai mươi chín triệu, tám trăm nghìn) đồng.

- Phạm Văn T phải bồi thường 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng cho chị Nguyễn Thị L.

- Phạm Văn T, Bùi Đình T phải liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng A tổng số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng; chia kỹ phần: Phạm Văn T, Bùi Đình T mỗi người phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng A số tiền 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Phạm Văn T, Bùi Đình T, Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ tổng số tiền là: 34.910.712 (Ba mươi bốn triệu, chín trăm mười nghìn) đồng (trong đó: Chi nhánh Điện lực Kiến An yêu cầu 4.490.000 (Bốn triệu, bốn trăm chín mươi nghìn) đồng; Chi nhánh Điện lực An Lão yêu cầu 30.420.712 (Ba mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, bảy trăm mười hai) đồng). Cụ thể:

Phạm Văn T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ là 28.070.034 (Hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn, không trăm ba mươi bốn) đồng.

Phạm Văn T, Bùi Đình T phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ tổng số tiền là 3.815.606 (Ba triệu, tám trăm mười lăm nghìn, sáu trăm linh sáu) đồng, chia kỹ phần mỗi bị cáo T, Th phải bồi thường 1.907.803 (Một triệu, chín trăm linh bảy nghìn, tám trăm linh ba) đồng. Do vậy, Bùi Đình T phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ 1.907.803 (Một triệu, chín trăm linh bảy nghìn, tám trăm linh ba) đồng theo yêu cầu của Chi nhánh Điện lực An Lão.

Phạm Văn T, Phạm Văn Đ phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ 9.865.750 (Chín triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng, chia kỹ phần mỗi bị cáo T, Đạt phải bồi thường 4.932.875 (Bốn triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi năm) đồng. Do vậy, Phạm Văn Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Đ 4.932.875 (Bốn triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi năm) đồng theo yêu cầu của Chi nhánh Điện lực An Lão.

Do vậy, Phạm Văn T phải bồi thường tổng số tiền dân sự là: 61.870.034 (Sáu mươi một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, không trăm ba mươi bốn) đồng.

Bùi Đình T phải bồi thường tổng số tiền dân sự là: 4.407.803 (Bốn triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, tám trăm linh ba) đồng. Phạm Văn Đ phải bồi thường tổng số tiền dân sự là 4.932.875 (Bốn triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi năm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu tiêu hủy đối với 0,93 gam chất bột và vỏ bao bì của mẫu vật gửi giám định được niêm phong lại trong bì giấy, dấu niêm phong số 648MT/PC09.

Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, đeo BKS 16M9-0151 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+ có số IMEI 1: 359116089014139, số IMEI 2: 359117089014137 cho Bùi Văn L, nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe đạp của Phạm Văn T. Trả lại 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 màu xanh có số EMEI 1: 8642670044170876, EMEI 2: 86426704410868 đã qua sử dụng cho Phạm Văn T, nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao dứa, 01 đôi găng tay vải màu xám; 01 kìm cắt dài 19,5 cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh- xám; 01 kìm cắt dài 16 cm, tay cầm bọc nhựa màu xanh - xám; 01 mỏ lết kim loại màu trắng có số (150×19); 01 mỏ lết kim loại, tay cầm bọc nhựa màu đỏ đen số (250×30); 01 lưỡi cưa loại kim loại màu trắng đã qua sử dụng, dài 30 cm rộng 2 cm; 01 cưa cầm tay, kim loại màu trắng (không có lưỡi cưa) đã qua sử dụng, kích thước (11,5×43,5)cm, in chữ HTAT; 08 đoạn dây nilon màu đỏ dài trung bình 70cm; 01 đoạn thanh nhựa hình chữ L dài 16 cm, quấn một đoạn nilon đỏ dài 70.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa Công an huyện An Lão với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Phạm Văn T phải chịu 3.094.000 (Ba triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bùi Đình T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC 10 CA thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã nơi cư trú của các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh